

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2022/HS-ST**

Ngày : 16/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Thanh Tùng – Cán bộ Quận đoàn Tân Bình

Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa – Giáo viên quận Tân Bình nghỉ hưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Như Quỳnh - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Huỳnh M; tên gọi khác: M1; sinh ngày: 09/7/2003 tại Đồng Tháp; giới tính: Nữ; Nơi thường trú: Khóm A, Thị trấn E, Huyện I, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1977 và bà: Huỳnh Kim K, sinh năm 1981; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam: 14/10/2021.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Lê Thị Thùy T; tên gọi khác: Q; sinh ngày: 31/08/2004 tại Đồng Tháp; giới tính: Nữ; Nơi thường trú: Khóm A, Thị trấn E, Huyện I, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Mười, sinh năm 1972 và bà: Nguyễn Diễm T1, sinh năm 1979; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam: 14/10/2021.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Thị Thùy T: Bà Nguyễn Diễm T1, sinh năm 1979, là mẹ của bị cáo, nơi cư trú: Khóm A, Thị trấn E, Huyện I, tỉnh Đồng Tháp.

(Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thùy T:* Ông Lâm Quốc V, sinh năm 1965 – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Việt Tiến – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

- *Bị hại:* Anh Lý Minh H, sinh năm 1991; nơi cư trú: 229 Đường Â, Phường Ê, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Em Nguyễn Được T2, sinh năm 2008; hộ khẩu thường trú: Khóm B, Phường G, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

(Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Được T2: ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Bạch Huệ, sinh năm 1982; là cha mẹ của em T2; nơi cư trú: Khóm B, Phường G, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Huỳnh M, Lê Thị Thùy T được anh Lý Minh H thuê làm việc tại cửa hàng kinh doanh đồ ăn địa chỉ số 229 Đường Â, Phường Ê, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh do anh H làm chủ. Tại đây M và T quen biết Nguyễn Được T2 cũng là nhân viên cửa hàng. Theo thỏa thuận, lương của M và T là 4.000.000 đồng, lương của T2 là 5.000.000 đồng. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 12/10/2021, M than phiền với T2 về công việc nặng nhọc, rủ T2 “chờ lúc anh H đi vắng sẽ trộm cắp tiền của anh H bỏ trốn”, T2 đồng ý. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai rủ T cùng tham gia, T đồng ý. Cả nhóm bàn bạc sẽ trộm cắp số tiền bằng với tổng tiền lương tháng của 03 người là 13.000.000 đồng.

Khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, T2 nhìn thấy ông Trần Văn Cường (tài xế của anh H) đưa cho anh H 01 xấp tiền loại mệnh giá 500.000 đồng, anh H cất tiền vào chiếc túi xách đặt tại tầng trệt, không người trông coi. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, nhìn thấy anh H đi bộ qua nhà kho tại địa chỉ số 215 Đường Â, Phường Ê, quận K, T2 thông báo cho M về việc nơi anh H cất tiền và đã đi khỏi. M nói T2 lấy trộm tiền, M ra khu vực trước cửa nhà cảnh giới. Trong lúc đó, T ở trong bếp nấu cơm. T2 đi đến nơi đặt chiếc túi xách, dùng tay mở khóa kéo, lấy ra 01 xấp tiền loại mệnh giá 500.000 đồng được buộc bằng dây thun, T2 không đếm mà lấy trộm toàn bộ xấp tiền trên cất giấu vào lưng quần bên phải, kéo lại khóa chiếc túi xách rồi thông báo cho M và T biết đã lấy trộm được tiền nhưng không biết cụ thể bao nhiêu, cả ba cùng nhau đi bộ đến khu vực đường X, quận K thì

đón xe taxi đến khách sạn Phương Anh trên Đường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh thuê phòng 202. Tại đây, T2 lấy xấp tiền vừa trộm được đưa cho M, M sử dụng để trả tiền taxi hết 50.000 đồng, đưa cho T2 500.000 đồng đi mua đồ dùng cá nhân cho ba người. Khi T2 quay về, cả ba đếm số tiền lấy trộm còn lại là 80.900.000 đồng, (chưa bao gồm số tiền 50.000 đồng taxi và 500.000 đồng M đưa cho T2), tổng số tiền lấy trộm được của anh H là 81.450.000 đồng, nhiều hơn số tiền lương mà cả nhóm dự định lấy trộm nhưng vì nghĩ không trả lại được cho anh H nên cả nhóm thống nhất lấy trộm hết số tiền trên và M giữ tiền để sử dụng chung.

Khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, M đưa 500.000 đồng cho T để thanh toán tiền phòng hết 350.000 đồng, cả ba đón xe taxi đi đến khu vực Huyện N, thuê phòng tại khách sạn Minh Tâm, địa chỉ số 43/2G Ấp D, Xã J, Huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh để ở, trên đường đi dùng 2.000.000 đồng mua đồ, 320.000 đồng trả tiền taxi, 500.000 đồng trả tiền thuê phòng khách sạn. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 13/10/2021, cả nhóm đi bộ đến tiệm vàng Kim Bảo, địa chỉ số 14/1 Đường U, Ấp D, Xã J, Huyện N mua cho T 07 vòng ximen vàng, 01 nhẫn vàng hết 21.400.000 đồng, mua cho T2 01 nhẫn vàng và 01 dây chuyền vàng hết 9.980.000 đồng, rồi đến cửa hàng Điện Máy Xanh, địa chỉ số 36/3D Đường C, Ấp D, Xã J, Huyện N mua cho T2 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vivo Y53s hết 6.990.000 đồng, đến Chợ Y, Huyện N mua quần áo, vali hết 1.940.000 đồng và tiếp tục đi ăn uống, mua thuốc lá, mua card điện thoại. Cả nhóm đã tiêu xài hết số tiền 59.450.000 đồng.

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 13/10/2021, anh H phát hiện bị mất trộm số tiền trên, nghi ngờ M, T, T2 lấy trộm do cả ba bỏ đi và chặn số điện thoại của anh. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, anh H đến Công an Phường 6, quận K trình báo. Chiều tối cùng ngày, anh H liên lạc được với M, yêu cầu M, T, T2 quay về giải quyết việc anh H bị mất tiền, cả nhóm đồng ý, M nhắn tin cho anh H biết địa chỉ khách sạn. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 14/10/2021, Công an Phường 6, quận K phối hợp Công an xã Bà Điểm, Huyện N kiểm tra, phát hiện M, T, T2 tại trước địa chỉ số 45/11 Đường C, Ấp D 1, Xã J, Huyện N, cả nhóm thừa nhận hành vi trộm cắp tiền của anh H, giao nộp số tiền còn lại là 22.000.000 đồng, quần áo, vali, trang sức, điện thoại di động mua bằng tiền do trộm cắp được của anh H, sau đó tất cả về Công an Phường 6, quận K làm việc.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Thị Huỳnh M về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); Lê Thị Thuỳ T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017);

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đã trình bày luận tội, cụ thể: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, thì hành vi trộm cắp số tiền 81.450.000 đồng của anh Lý Minh H vào ngày 12/10/2021 của các bị cáo Nguyễn Thị Huỳnh M và Lê Thị Thùy T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, phạm tội do cố ý. Trong vụ án này bị cáo M là người rủ rê, xúi giục bị cáo T và em T2 là người dưới 18 tuổi phạm tội, bị cáo T là người rủ rê, xúi giục em T2 là người dưới 18 tuổi phạm tội nên cần xử phạt các bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T là người dưới 18 tuổi; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn do tài sản được T1 hồi một phần trả cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại cho các bị cáo nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Từ căn cứ trên đề nghị áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38; điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo M; áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 54, 90, 91, 98, 101 điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T. Đề nghị xử phạt bị cáo M từ 02 năm đến 03 năm tù; bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự thì đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Sau phần luận tội của Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận, tranh tụng với Viện kiểm sát và không tự bào chữa gì cho hành vi phạm tội của mình.

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày: Thống nhất với Viện kiểm sát về tội danh và điều luật truy tố các bị cáo, thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Viện kiểm sát và Hội đồng xét xử xem xét tình tiết đối với bị cáo T đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự vì bị cáo T cũng là người dưới 18 tuổi, để có lợi cho bị cáo T trong chính sách hình sự về việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo M cũng thừa nhận là người rủ rê, xúi giục cả bị cáo T và em T2 phạm tội chứ bị cáo T không có xúi giục em T2 phạm tội. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, nhận thức của bị cáo về pháp luật để tuyên mức án phù hợp, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định và hành vi của bị cáo đã không còn nguy hiểm cho ai nữa. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên mức án nhẹ hơn mức án Viện kiểm sát đề nghị và cho bị cáo T được hưởng án treo.

Sau phần bào chữa của Luật sư, bị cáo T và người đại diện hợp pháp của bị cáo không bào chữa, hay trình bày ý kiến bổ sung mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận với Luật sư của bị cáo T:

Đối với việc đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự với bị cáo T do bị cáo cũng là người dưới 18 tuổi, để có lợi cho bị cáo T trong chính sách hình sự về việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội và bị cáo T không trực tiếp xúi giục em T2 phạm tội. Đại diện Viện kiểm sát không đồng ý vì Bộ luật Hình sự và các văn bản hiện hành không có quy định nào loại trừ người dưới 18 tuổi xúi giục người dưới 18 tuổi thì không bị áp dụng điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại các bản tự khai, biên bản làm việc, hỏi cung các bị cáo đều thừa nhận cả ba cùng bàn bạc để cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, khi thực hiện hành vi M giữ vai trò xúi giục và cảnh giới, T giữ vai trò xúi giục, T2 giữ vai trò trực tiếp chiếm đoạt tài sản. Khi bàn bạc M, T, T2 không phân công vai trò cụ thể, cách thức thực hiện hành vi nên hành vi không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức nhưng cả hai bị cáo M và T đều có hành vi bàn bạc xúi giục em T2 phạm tội. Việc Viện kiểm sát áp dụng điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định tại Điều 416 Bộ luật tố tụng hình sự và Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với đề nghị cho bị cáo T được hưởng án treo do bị cáo khi phạm tội chưa thành niên, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định và hành vi của bị cáo đã không còn nguy hiểm cho ai nữa. Đại diện Viện kiểm sát không đồng ý vì bị cáo T khi phạm tội đã bỏ học, bỏ nhà đi lên thành phố làm nghề tự do, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng tới trật tự, trị an tại địa phương, bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý. Vì vậy cần phải đưa ra xét xử nghiêm minh, tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo, qua đó tác dụng răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đồng thời đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương

Người bào chữa tranh luận: Về cơ bản vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, không tranh luận gì thêm với Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào hành vi phạm tội của các bị cáo theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được thì việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình ra quyết định tạm giữ, tạm giam, khởi tố vụ án, khởi tố bị can để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Thị Huỳnh M và Lê Thị Thùy T về hành vi “Trộm cắp tài sản”, quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn

biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, thẩm tra các tài liệu, chứng cứ, luận tội, tranh tụng nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; các bị cáo, luật sư, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:* Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua việc thẩm tra các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo, thì hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là hành vi vi phạm pháp luật. M, T và T2 cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, các bị cáo đã chiếm đoạt tổng số tiền 81.450.000 đồng. Tuy nhiên đối với Nguyễn Được T2 (sinh ngày 21/3/2008), thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 12/10/2021 T2 chưa đủ 14 tuổi, không đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng tới trật tự, trị an tại địa phương, các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Đồng thời qua phần phân tích, đánh giá, nhận định của đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội, nhận thấy những căn cứ Viện kiểm sát viện dẫn để chứng minh hành vi phạm tội và đề nghị truy tố, xử phạt các bị cáo như đã nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:* Xét do vì mục đích tư lợi mà các bị cáo đã cố ý phạm tội, tuy phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn do tài sản được thu hồi một phần trả cho bị hại nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã hoàn thành, đã làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an tại địa phương. Trong vụ án này bị cáo M là người rủ rê, xúi giục bị cáo T và em T2 là người dưới 18 tuổi phạm tội, bị cáo đồng thời là cảnh giới nên cần xử phạt bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung; Bị cáo T tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, bàn bạc, xúi giục em T2 là người dưới 18 tuổi phạm tội nên cũng cần xử phạt bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi phạm tội và xét xử, bị cáo T là người dưới 18 tuổi khi phạm tội; các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn do tài sản được thu hồi một phần trả cho bị hại; bị hại cũng có đơn bãi nại đối với các bị cáo, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Việc đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo để đề nghị áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều

51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38; điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo M; áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 54, 90, 91, 98, 101 điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với phần bào chữa của luật sư cho các bị cáo: Trong phần bào chữa của mình, Luật sư đề nghị không áp dụng điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T và xem xét cho bị cáo T được hưởng án treo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với việc đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự với bị cáo T do bị cáo cũng là người dưới 18 tuổi, để có lợi cho bị cáo T trong chính sách hình sự về việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Hội đồng xét xử cũng đồng quan điểm và đánh giá như đại diện Viện kiểm sát không đồng ý vì Bộ luật Hình sự và các văn bản hiện hành không có quy định nào loại trừ người dưới 18 tuổi xúi giục người dưới 18 tuổi thì không bị áp dụng điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung; biên bản xác minh địa điểm và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án các bị cáo đều thừa nhận cả 3 cùng bàn bạc để cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, khi thực hiện hành vi M giữ vai trò xúi giục và cảnh giới, T giữ vai trò xúi giục, T2 giữ vai trò trực tiếp chiếm đoạt tài sản. Khi bàn bạc M, T, T2 không phân công vai trò cụ thể, cách thức thực hiện hành vi nên hành vi không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức nhưng cả hai bị cáo M và T đều có hành vi bàn bạc xúi giục em T2 phạm tội. Việc Viện kiểm sát áp dụng điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định tại Điều 416 Bộ luật tố tụng hình sự và Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên không chấp nhận đề nghị của Luật sư.

Đối với đề nghị cho bị cáo T được hưởng án treo do bị cáo khi phạm tội chưa thành niên, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định và hành vi của bị cáo đã không còn nguy hiểm cho ai nữa. Hội đồng xét xử cũng đồng quan điểm và đánh giá như đại diện Viện kiểm sát không đồng ý vì bị cáo T khi phạm tội đã bỏ học, bỏ nhà đi lên thành phố làm nghề tự do, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng tới trật tự, trị an tại địa phương, bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý. Vì vậy cần phải đưa ra xét xử nghiêm minh, tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo, qua đó tác dụng răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đồng thời đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương.

[4] *Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:*

- Về trách nhiệm dân sự: Xác định số tiền anh Lý Minh H bị chiếm đoạt là 81.450.000 đồng. Đã thu hồi được số tiền 22.000.000 đồng, anh H yêu cầu nhận lại số tiền trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

- 01 Điện thoại di động Vivo Y53s đen xanh số Imei: XXXX20059526912, 01 nhẫn vàng nam đỏ vàng 18k, 01 dây chuyền vàng 18k, 01 nhẫn đính hạt vàng 18k, 07 vòng ximem vàng 18k, 01 túi dây đeo màu nâu, 01 vali cùng một số quần áo mới mua, tiền mặt 22.000.000 (Hai mươi hai triệu) đồng là tài sản do M, T, Tiền dùng số tiền lấy trộm được của anh H để mua, anh H yêu cầu nhận lại đồng thời không yêu cầu bồi thường thiệt hại, không thắc mắc, khiếu nại. Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

- 01 Điện thoại di động hiệu Oppo A3s màu đen số Imei: 868125041247434 là tài sản cá nhân của M không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo.

- 01 balo vải màu nâu là túi xách của anh H dùng để cất tiền (do anh H giao nộp).

[5] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38; điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị Huỳnh M;

Căn cứ điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 54, 90, 91, 98, 101 điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Thị Thùy T;

Căn cứ Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 416 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Huỳnh M, Lê Thị Thùy T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: NGUYỄN THỊ HUỲNH M 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian tù tính từ ngày 14/10/2021.

Xử phạt: LÊ THỊ THÙY T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian tù tính từ ngày 14/10/2021.

[2] Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo M 01 Điện thoại di động hiệu Oppo A3s màu đen số Imei: XXXX25041247434;

- Trả lại cho anh Lý Minh H số tiền 22.000.000 đồng, 01 Điện thoại di động Vivo Y53s đen xanh số Imei: XXXX20059526912, 01 nhẫn vàng nam đỏ vàng 18k, 01 dây chuyền vàng 18k, 01 nhẫn đính hạt vàng 18k, 07 vòng ximen vàng 18k, 01 túi dây đeo màu nâu, 01 vali cùng một số quần áo (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 07/PNK ngày 05/01/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình).

[3] Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015);

[4] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, Người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Người ĐDHP, luật sư;
- Người có QL, NV liên quan;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU)

Nguyễn Quang Thiện